

Bản án số: **248/2026/HNGĐ-ST**
Ngày: 03-9-2026
V/v: “Ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Tường Vi

Bà Lê Thị Minh Phúc

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 487/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 về việc tranh chấp “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 192/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm 1998. Địa chỉ: **số nhà F, ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* anh **Nguyễn Tấn L**, sinh năm 1993. Địa chỉ: **số nhà F, ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn xin xét xử vắng mặt, trong quá trình tố tụng tại tòa án – nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thùy D** trình bày:*

Chị và anh **Nguyễn Tấn L** có quen biết, kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre** nay là **Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long** theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/11/2018. Trong thời gian

chung sống có sinh được một con chung tên **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 01/02/2019. Hiện nay, con chung đang sống cùng chị.

Sau khi kết hôn chị và anh **L** có thời gian sống chung hạnh phúc, còn sau đó thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân bắt nguồn từ việc anh **L** không lo làm ăn để chăm lo cuộc sống gia đình, anh **L** chỉ lo chơi. Vào tháng 01/2026 chị có nộp đơn yêu cầu ly hôn một lần, nhưng do anh **L** có năn nỉ và hứa với chị sẽ thay đổi nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên thời gian gần đây anh **L** vẫn ham chơi như trước, không thay đổi. Chị đã về nhà mẹ ruột sống hơn 01 năm nay. Hiện nay, chị và anh **L** đã bắt đầu quan điểm, không còn tình cảm, cũng như không còn tin tưởng nhau. Cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hòa, thường xuyên gây gổ với nhau, mâu thuẫn giữa chị và anh **L** ngày càng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, ly hôn là cách tốt nhất để chị và anh **L** có cuộc sống tự do cho mỗi người.

Nên nay, về hôn nhân chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Nguyễn Tấn L**. Chị không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn. Về con chung, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 01/02/2019. Chị không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, do có sơ sót trong lúc đánh máy nên tại đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2026, chị ghi là tự thỏa thuận, nay chị xác định là sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Nguyễn Tấn L** luôn vắng mặt trong các lần hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử nên không có lời trình bày.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Tòa án; các Điều 8, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị Thùy D**. Về hôn nhân, chị **D** được ly hôn với anh **Nguyễn Tấn L**. Chị **D** không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn

nên không xem xét giải quyết. Về con chung, giao con chung tên **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 01/02/2019 cho chị **D** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **L** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị **D** không có yêu cầu. Anh **L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: đây là tranh chấp về ly hôn và yêu cầu của chị **D** được chấp nhận nên chị **D** chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng chị **D** đóng tạm ứng án phí nên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011118 ngày 08/6/2026.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự; sau khi phân tích, đánh giá toàn diện, nhận định đầy đủ, khách quan về các chứng cứ, những tình tiết của vụ án và đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị **Nguyễn Thị Thùy D** có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh **Nguyễn Tấn L**, yêu cầu nuôi con chung. Bị đơn anh **Nguyễn Tấn L** có nơi cư trú tại **ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long** nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, con chung và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thùy D** có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn anh **Nguyễn Tấn L** đã được Tòa triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh **L** vẫn vắng mặt không lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Thùy D** và anh **Nguyễn Tấn L** kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/11/2018 của Ủy ban nhân dân xã **A, huyện T, tỉnh Bến Tre** nay là Ủy ban nhân dân xã **T, tỉnh Vĩnh Long**. Trong thời gian chung sống, theo chị **D** cho rằng giữa chị **D** và anh **L** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, sống chung không còn hạnh phúc nguyên nhân do anh **L** không lo làm ăn để chăm lo cuộc sống gia đình, anh **L** chỉ lo chơi. Trước đó, vào tháng 01/2026 chị **D** đã nộp đơn xin ly hôn một lần nhưng sau đó anh **L** có năn nỉ và hứa với chị **D** sẽ thay đổi nên chị **D** đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, thời gian gần đây anh **L** vẫn không thay đổi tính tình, nên chị **D** đã về nhà mẹ ruột sống hơn 01 năm nay. Từ lúc chị **D** và anh **L** sống ly thân, sau đó chị **D** nộp đơn khởi kiện xin ly hôn đến nay, tình cảm vợ chồng giữa chị **D** và anh **L** vẫn không hàn gắn lại được. Lẽ đó, có căn cứ cho thấy trong thời gian sống

chung giữa chị **D** và anh **L** đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên việc chị **D** yêu cầu được ly hôn với anh **L** là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị **D** không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về con chung: Chị **D** trình bày trong thời gian sống chung giữa chị **D** và anh **L** có sinh được một con chung tên **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 01/02/2019. Con chung hiện đang sống với chị **D**, chị **D** có yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ lúc chị **D** và anh **L** sống ly thân đến nay, con chung vẫn sống với chị **D**, cháu **T** vẫn đang phát triển tốt về thể chất và tinh thần, đồng thời cháu **T** cũng có nguyện vọng được sống chung với chị **D**, nên việc chị **D** yêu cầu được nuôi con chung là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh **L** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị **D** không có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Chị **D** trình bày không yêu cầu giải quyết. Còn anh **L** vắng mặt, không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị **D** trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Còn anh **L** vắng mặt, không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[7] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị **Nguyễn Thị Thùy D** phải chịu án phí 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011118 ngày 08/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Tòa án.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị Thùy D** đối với anh **Nguyễn Tấn L**. Chị **Nguyễn Thị Thùy D** được ly hôn với anh **Nguyễn Tấn L**.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn không đặt vấn đề xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

2. Về con chung: Chị **Nguyễn Thị Thùy D** được trực tiếp nuôi con chung tên **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 01/02/2019 (theo nguyện vọng của cháu **Thanh T**). Anh **L** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị **D** không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn cha, mẹ người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị **D** trình bày không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị **D** trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị Thùy D** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011118 ngày 08/6/2026 của Thị hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Như vậy án phí chị **D** đã nộp xong.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9
thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Thạnh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thủy Tiên